

Bản án số: 53 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2024
“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Bài
- Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N T, sinh năm 2000 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Lê M H, sinh năm 1998 (Vắng mặt lần thứ 2);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị N T trình bày và yêu cầu:

Chị và anh Lê M H được gia đình hai bên chấp thuận, tiến tới hôn nhân

vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 15/2/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Lê Ngọc H, sinh ngày 09/5/2019. Nhưng sau đó không còn hạnh phúc nữa, nguyên nhân do anh H không quan tâm lo lắng cho gia đình, không lo làm để lo cho cuộc sống vợ con, suốt ngày chỉ biết ăn chơi, chị có khuyên nhiều lần nhưng không chịu thay đổi dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi, anh H tự ý bỏ về nhà mẹ ruột ở Ấp N, xã T, huyện T để sống nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị cũng đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng khi về sống chung không được bao lâu thì anh H lại bỏ nhà đi về nhà mẹ ruột sống tiếp. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H. Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con Lê Ngọc H, sinh ngày 09/5/2019 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: có nhưng vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với anh Lê M H, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự có cơ hội đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên tại các phiên họp, hòa giải anh H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị N T có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với bị đơn anh Lê M H vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 không có ý kiến trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định, đối với bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị N T. Giao con chung Lê Ngọc H cho Chị T được quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung: Chị T cho rằng có nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Bị đơn cư trú tại Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Sau khi thụ lý Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án không tiến hành hòa giải được do anh H vắng mặt đến lần thứ hai. Anh Lê M H đã được Tòa án triệu tập họp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, đối với chị Trần Thị N T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Chị Trần Thị N T và anh Lê M H xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 15/2/2019, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Về mâu thuẫn gia đình, Chị T cho rằng anh H không quan tâm lo lắng cho gia đình, không chăm lo cho cuộc sống vợ con, chỉ biết vui chơi bên ngoài, chị có nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh H không sửa đổi dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi, anh H bỏ về nhà mẹ ruột tại Ấp N, xã T, huyện T sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần đến phiên hòa giải để hai bên có điều kiện hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng anh H không đến. Kết quả xác minh (bút lục số 17-20) thể hiện anh H có nhận được các văn bản của Tòa án tổng đạt mời tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải vụ án nhưng anh H cho rằng bận đi làm nên anh không thể đến Tòa án và có ý kiến đồng ý ly hôn với chị T, anh đồng ý giao con chung Lê Ngọc H cho Chị T được quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn và anh không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh H được triệu tập họp lệ nhưng cũng vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy anh H không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ lại với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của Chị T và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Hiện con chung Lê Ngọc H, sinh ngày 09/5/2019 hiện đang sống chung với chị T, nghĩ nên tiếp tục giao con chung cho Chị T được quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Trần Thị N T xác định có nhưng thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh H có quyền khởi kiện trong vụ án khác về chia tài sản sau khi ly hôn nếu có tranh chấp.

[6] Về nợ chung: Chị Trần Thị N T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Buộc chị Trần Thị N T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị N T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị N T được ly hôn với anh Lê M H.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc H, sinh ngày 09/5/2019 cho Chị T được quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị N T không yêu cầu anh Lê M H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị N T xác định là có nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh H có quyền khởi kiện trong vụ án khác về chia tài sản sau khi ly hôn nếu có tranh chấp.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị N T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị N T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002916 ngày 20/05/2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Các đương sự, lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký